

Số: 653 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0770.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : Thái Thị Hồng Hạnh

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi, TT. Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 9/9/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 09/09/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	10/09/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	10/09/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	09/09/2020
4	Clo dư (mg/L)	Phương pháp DPD	0,43	0,3 - 0,5	09/09/2020
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2017 (*)	94,00	250,00	09/09/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2017 (*)	248,00	300,00	09/09/2020
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,22	2	09/09/2020
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	4,12	15	09/09/2020
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)	0,06	0,3	09/09/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	09/09/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,93	50	09/09/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2017 (*)	Không phát hiện	3	09/09/2020
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,04	6,5 - 8,5	09/09/2020
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2017	0,06	0,3	09/09/2020
15	Sulphat (mg/L)	EPA 1997 - 375.4	94,1	250	09/09/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt

Mã số mẫu: 0770.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 9 năm 2020

Ký, GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	1. Nhiệt độ (°C) (T1000)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0	0	10/09/2020
2	2. Áp suất (mmHg) (T1000)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0	0	10/09/2020
3	3. Chỉ số protein (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.45	0	09/09/2020
4	4. Chỉ số albumin (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.15	0.1 - 0.3	09/09/2020
5	5. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
6	6. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
7	7. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
8	8. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
9	9. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
10	10. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
11	11. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
12	12. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
13	13. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
14	14. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020
15	15. Creatinine (mg/L)	TCVN 6786-1:2011 (T)	0.10	0.20 - 0.50	09/09/2020

Số: 684 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0771.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Người lấy mẫu : Thái Thị Hồng Hạnh
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Y tế Đại Ngãi, TT. Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 9/9/2020
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC)
Lượng mẫu : 1,5L + 250mL
Ngày nhận mẫu : 09/09/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	10/09/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	10/09/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,32	2	09/09/2020
4	Clo dư (mg/L)	Phương pháp DPD	0,4	0,3 - 0,5	09/09/2020
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,51	2	09/09/2020
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	3,12	15	09/09/2020
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	09/09/2020
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2017	0,08	0,3	09/09/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 9 năm 2020



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm